

Bản án số: 93/2021/HS-ST
Ngày 08-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tố Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thông T, sinh năm 1988 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: Số HNC, tổ S, khu phố H, phường A H, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Trần Thị Thu Ng, sinh năm 1955; bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 27/12/2012, bị Tòa án nhân dân quận G V, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 320/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/10/2014, đóng án phí ngày 10/5/2016; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 18/01/2021 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Trường S, sinh năm 1988; thường trú: Ấp N, xã M C, huyện C L, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

**Người tham gia tố tụng khác:*

- Người làm chứng:

1. Chị Lê Nguyệt L; vắng mặt.
2. Chị Lê Hoàng Gi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trường S và Nguyễn Thông T cùng ở phòng trọ số M dãy trọ số 15/6 khu phố T H, phường Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Khoảng 14 giờ ngày 01/11/2018 khi anh S và T đang ngủ thì Tất thức dậy và nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu vàng đồng của anh S đang sạc pin trong phòng. Lúc này, T đi đến rút dây sạc và lấy điện thoại bỏ vào túi quần. Sau đó T đi ngoài hành lang dãy trọ thì nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Honda RSX màu xanh đen biển số 84L1-26799 của anh S để sẵn chìa khóa nên T đã đẩy xe ra khỏi dãy trọ. T điều khiển xe về phía thành phố B H, tỉnh Đồng Nai, khi gần đến công viên T H thì T đã bán chiếc xe cho một người đàn ông đi đường (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 1.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Riêng chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu vàng đồng thì T tháo sim và để sử dụng đến tháng 01/2019 thì chiếc điện thoại bị hỏng nên T vứt bỏ ngoài đường (không rõ địa điểm). Ngày 18/01/2021, T bị Công an phường A H, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai bắt giữ giao cho Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương giải quyết theo thẩm quyền.

Theo Kết luận định giá tài sản số 333/BB.ĐG ngày 30/11/2018 của Hội đồng định giá thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương kết luận như sau: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda RSX màu xanh đen biển số 84L1-26799, số khung HC12E2196653, số máy RLHHC12368Y010763 có trị giá 9.000.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu vàng có trị giá 3.000.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là 12.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 333/BB.ĐG ngày 30/11/2018 của Hội đồng định giá thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Tại cáo trạng số: 105/CT – VKS - DA ngày 24 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thông T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thông T với mức án tù từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

* Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thông T giao nộp 1.000.000 đồng, là tiền có được do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê Trường S yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với tổng số tiền 12.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với yêu cầu của bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 14 giờ ngày 01/11/2018 tại dãy trọ số 15/6 khu phố T H, phường Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Nguyễn Thông T lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda RSX màu xanh đen biển số 84L1-26799, có trị giá 9.000.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu vàng có trị giá 3.000.000 đồng của bị hại Lê Trường S. Tổng cộng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 12.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 105/CT – VKS - DA ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, thể hiện bị cáo từng bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã được xóa đồng thời trong quá trình điều tra bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có nhân thân xấu, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thông T giao nộp 1.000.000 đồng, là tiền có được do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê Trường S yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 12.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với yêu cầu của bị hại.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thông T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thông T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2021.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 và điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thông T nộp 1.000.000 (một triệu) đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584 và 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Bị cáo Nguyễn Thông T có trách bồi thường cho anh Lê Trường S số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Kể từ ngày anh Lê Trường S có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả cho anh S khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thông T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo và bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

